

SỐ 315

## PHẬT THUYẾT PHỔ MÔN PHẨM KINH

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa ở núi Linh thú, thuộc thành Vương xá, cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo gồm tám trăm vị và bốn vạn hai ngàn Bồ-tát. Các vị đều đã đắc các Tổng trì, đạt được thần thông, Thánh trí rộng lớn, thông suốt, biện tài vô ngại, đã đạt Tam-muội, thông hiểu tất cả mọi việc.

Khi ấy, có Bồ-tát tên Ly Cấu Tạng cùng với chín vạn hai ngàn Bồ-tát, từ cõi nước Tịnh hạnh của Như Lai Phổ Hoa đang du hóa đến cõi Nhẫn này, vì muốn đi đến núi Linh thú để có điều muốn thưa hỏi và lãnh thọ.

Khi ấy, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn, liền mỉm cười. Từ trong miệng Đức Thế Tôn phóng ra luồng ánh sáng thù thắng đặc biệt; ánh sáng đủ màu sắc chiếu khắp mười phương, soi sáng thấu suốt trong ngoài không sót một chỗ nào.

Bấy giờ, Đồng chân Bồ-tát Phổ Thủ đang ở trong đại chúng, đứng dậy, sửa áo, bày vai bên phải, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì lẽ gì Đức Thế Tôn mỉm cười? Thế Tôn mỉm cười là vì có người thưa hỏi, chứ chẳng phải sự chói sáng của thế gian, chẳng phải sự kham nhận của Bồ-tát chỉ có lòng thương tưởng nên mới cười như vậy. Sự mỉm cười của Thế Tôn đều có ý. Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy, tất cả chúng con đều cùng ưa thích muốn nghe!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Ở phương Đông, cách đây vô lượng, vô số trăm ngàn ức a-tăng-kỳ kiếp chẳng thể tính kể, có thế giới tên là Tịnh hạnh, Đức Phật cõi đó hiệu là Như Lai Phổ Hoa, thường cùng với vô số ức trăm ngàn các Đại Bồ-tát vây quanh, Đức Phật giảng nói về pháp “Không thoái chuyển, chẳng thể nghĩ bàn”. Ở đó có Bồ-tát Tôn trưởng tên là Ly Cấu Tạng cùng với vô số ngàn các Bồ-tát Đại sĩ quyến thuộc vây quanh, bay đi trong không trung. Ta đang nghĩ Bồ-tát Ly Cấu Tạng kia riêng chọn con đường xa đi đến các nước để ban bố lời của Như Lai Phổ Hoa Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Nay vị Bồ-tát ấy được sai đến đây để gặp gỡ chúng Bồ-tát và hiện giờ vị Đại thánh ấy dùng định Như kỳ tượng để hiển bày giáo pháp, thị hiện cùng khắp làm cho các chúng Bồ-tát ở vô lượng, vô số thế giới cùng một lúc đều đi đến chỗ của Đại phạm thiên ở cõi Nhẫn này, vì vậy ta mỉm cười.

Đức Thế Tôn nói vừa xong, Bồ-tát Ly Cấu Tạng cùng với các đại chúng từ giả Phạm thiên, đi đến núi Linh thú, cùng với quyến thuộc vây quanh đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi lui đứng một bên. Các Bồ-tát ở chỗ vắng vẻ trong núi

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Linh thứu này đều đến tập hợp, đành lễ xong, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Bồ-tát Ly Cấu Tạng liền hóa làm hoa sen bảy báu có ngàn cánh đem đến chỗ Như Lai Năng Nhân Chí Chân Đẳng Chánh Giác cúi dâng lên và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Phổ Hoa Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở thế giới Tịnh hạnh có lời kính vấn an Thế Tôn: “Đi lại có được nhẹ nhàng, thể lực có được khỏe mạnh, đứng ngồi có được an ổn và việc cứu độ có được nhiều không?” Nay sai con đến đây xin Thế Tôn chỉ dạy và xin lãnh thọ phẩm Phổ Môn là phẩm thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn. Cúi xin Thế Tôn vì hàng Đại sĩ giảng thuyết.

Bồ-tát Ly Cấu Tạng thưa hỏi đầy đủ xong, lui ra cùng với các Bồ-tát ngồi xếp bằng trên tòa hoa sen báu trong hư không.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Thủ ở trong đại chúng liền đứng dậy sửa áo, bày vai phải, đến trước, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

–Lành thay, kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn giảng thuyết phẩm Phổ Môn là phẩm thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn. Nguyên xin Thế Tôn vì các Bồ-tát phân biệt giảng thuyết. Con nhớ thuở xưa, cách đây nhiều đời lâu xa, từ nơi Như Lai Phổ Chứng Minh Chí Chân Đẳng Chánh Giác được nghe kinh điển này, lập nên tám mươi bốn vạn trăm ngàn ức Tam-muội, lại thêm bảy mươi bảy ức trăm ngàn các pháp môn Tổng trì. Cúi xin Thế Tôn thương xót các Bồ-tát mà tuyên dương lại.

Phật bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì ông nói đầy đủ phẩm Phổ Môn, là kho tàng ở trong tâm, quý báu, bí mật không thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Phổ Thủ và đại chúng đều thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con ưa thích muốn được nghe.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Thủ cùng với các Bồ-tát nhất tâm lắng nghe.

Phật bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Đại Bồ-tát nào muốn học và thể nhập pháp Phổ Môn thì bình đẳng đối với sắc; bình đẳng đối với âm thanh, bình đẳng đối với mùi hương, bình đẳng đối với các vị, bình đẳng đối với xúc, bình đẳng đối với người nữ, bình đẳng đối với nam, bình đẳng đối với bé gái, bình đẳng đối với bé trai, bình đẳng đối với chư Thiên, bình đẳng đối với loài rồng, bình đẳng đối với quỷ thần, bình đẳng đối với Càn-thát-bà Kiên-đạp-hòa, bình đẳng đối với A-tu-luân, bình đẳng đối với Ca-lâu-la, bình đẳng đối với Chân-đà-la, bình đẳng đối với Ma-hầu-lặc, bình đẳng đối với địa ngục, bình đẳng đối với ngạ quỷ, bình đẳng đối với súc sinh, bình đẳng đối với tham dâm, bình đẳng đối với sân giận, bình đẳng đối với ngu si, bình đẳng đối với các thiện, bình đẳng đối với các cội gốc công đức, bình đẳng đối với các hữu vi, bình đẳng đối với các vô vi.

Như vậy, này Phổ Thủ! Chỗ các Bồ-tát có thể đi giáp khắp là như vậy. Tất cả đều bình đẳng, vì ở chỗ bình đẳng nên tiến đến đạo trọn vẹn, không còn thoái lui, đều nhập vào chỗ sâu xa bí mật của pháp yếu rộng không, vắng lặng. Đó là học thể nhập vào pháp môn định của Phổ Môn.

Phật bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với sắc? Hiểu rõ sắc như bọt nước, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể hộ trì, không bền chắc, đó là quán bình đẳng không có sắc. Như vậy là Bồ-tát bình đẳng đối với sắc.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với âm thanh? Như người cất tiếng kêu lớn nên

có âm thanh dội lại, nhưng ngay khi ấy liền diệt mất, không có hình tượng, chẳng biết đi đâu, tất cả biết bao nhiêu là việc đều không thể có, nhưng không sai khác, cũng không có tướng. Đã hiểu không có tướng thì lời của người nói ra rỗng không, không thật. Đã hiểu rõ các âm thanh là do từ núi sâu vang dội ra thì quán bình đẳng. Như vậy là Bồ-tát bình đẳng đối với âm thanh.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với mùi hương? Trăm ngàn kiếp số xoay quanh qua lại, mũi ngửi nhưng không nhằm chán, các hương bay đối mạnh hơn gió mưa đều tập hợp quy tụ về thân, như vực sâu ở biển cả, chỗ nào cũng đầy tràn nước. Hình tượng của hương đó vô thường, luôn thay đổi, biến hóa như mộng huyễn, không có gốc rễ, làm rối loạn đạo đức, nhưng chẳng thể nắm giữ. Đó là pháp hư ngụy không chân thật. Giả sử tìm tòi, dò xét kỹ cũng không có chỗ nhóm họp. Do thuộc loại như vậy nên không thật có và không thể nắm giữ, tất cả đều rỗng không, không thật, bỗng chốc như hư không, như huyễn, như hóa, vốn không có hình tượng, là bóng dáng của tướng thức, gặp duyên khởi lên nên thành hình tượng. Nếu có thể phân biệt được đó là rỗng không, không thật, thì đó là Bồ-tát bình đẳng đối với mùi hương.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với các vị? Vị mặn đến, yết hầu không biết, cũng không phải là không có vị, do nhân duyên phân biệt, chỉ có vị ngọt nơi lưỡi mà thôi. Trăm ngàn các vị đều do duyên hợp lại, đó là huyễn hóa. Đất sinh ra chỉ một vị, thấm nhuần, không có nhiều vị. Hiểu rõ biết rõ, không tưởng, không nghĩ, tất cả đều là vị ngọt, đó là Bồ-tát bình đẳng đối với các vị.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với sự xúc chạm? Tâm chí thì chỉ có việc tham cầu, thân mặc y phục hoa hòe cùng trang sức các thứ châu báu hiếm lạ, làm cho sắc đẹp càng tăng thêm. Sự đẹp đẽ đó chẳng thể nắm bắt được, đều là do duyên. Sự xúc chạm không có chỗ trụ, cũng không có chỗ dính mắc. Suy cho cùng thì sự xúc chạm không có ích. Người đời vì ham muốn, tham lam, ngu si, xấu ác tạo nên gốc sinh tử đều do đây phát khởi.

Bậc Đại sĩ trí tuệ sáng suốt thì biết rõ việc đó nên không làm theo, suốt đời không bị tai họa. Tất cả những gì có mặt đều nhờ đất chuyên chở, thuộc một loài có hình, bình đẳng không sai khác, chỉ nghe tạo ra sắc đã là sự rối loạn cho mọi người, khiến tạo ra các sắc loại khác nhau, đã mang mặc rồi thì mê loạn đạo đức, chẳng gần gũi các bậc hiền.

Người thông đạt biết rõ, không làm theo những việc như vậy; ở ẩn, mặc áo vải thô, làm người ngu để nuôi dưỡng trí tuệ, bên ngoài giống như người mọi rợ, nhưng bên trong ôm ấp ngọc châu sáng ngời, ngàn vạn ức kiếp cùng với đạo đồng một thể, xa lìa ngã, ngã sở, cũng không ngã tưởng. Sự xúc chạm cùng với ngã, cả hai đồng nhau, chúng như hư không không thật, như huyễn, như hóa, cũng không có sự nương tựa, cũng không có chỗ trụ. Nhân vì đắm nhiễm sự mang mặc nên mới có sự khen ngợi tốt đẹp. Bậc Đại sĩ thấy việc đó biết rõ nên không bám víu. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với sự xúc chạm.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với tâm pháp? Tâm pháp là người hộ trì ba cõi, an ủi, khuyên răn khiến cho nhóm họp. An ủi thì dùng đức, khuyên răn thì dùng quyền, lãnh thọ thì dùng tuệ. Tu phạm hạnh thì ba cõi đều vắng lặng, đứng tại một chỗ, cũng

không hợp, tan; làm cho vĩnh viễn chẳng còn biết được sự tồn tại của tâm pháp, chẳng thấy hình tượng, âm thanh qua lại, cũng không do dự, ứng hợp với tâm của mọi người, không hợp không tan, chẳng biết chỗ an trụ, cũng không có chỗ đi đến, hoặc hiện ra vô số các sắc, tất cả đều khác nhau. Bên trong cũng không có xứ sở, có xứ sở cũng không trụ, như huyễn, như hóa, rỗng không, không nơi chốn, không nơi chốn nên không có xứ sở.

Bậc Đại sĩ thấy việc đó biết rõ, không bám víu, liền tự mình giữ tâm không nhớ nghĩ, không mong cầu, thấy hoặc chẳng thấy, nghe hoặc chẳng nghe, đều vắng lặng giữ gìn. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với tâm pháp.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với người nữ? Quán sát bốn đại thì không có người nữ. Người có tâm ngu si mê hoặc, đối với ái dục đều mơ hồ, hoang mang, cho là thể của nó đồng nhau, không thể hủy hoại. Nói có người nữ thì cũng giống như nhà ảo thuật làm ra hình người; cúi xuống, ngược lên đều tùy theo ý của nhà ảo thuật điều khiển, vì những việc làm của những hình người được hóa ra là do ý ưa thích của nhà ảo thuật.

Người nữ như huyễn, do khởi lên ý ham muốn sắc, đó không thực có người nữ, bình đẳng như con người. Người ngu si bị mê hoặc nên ý theo dục, dục liền đưa đến ái, ái đưa đến ưa thích, từ đây chẳng thể buông bỏ, nên gấp rút kềm chế để điều phục. Người sáng suốt thấy rõ việc đó, phân biệt như hư không, rỗng không, vắng lặng, không có hình tượng. Duyên khởi lên thì nhân đối lại, không khởi thì không đối. Nếu người nào có thể phân biệt được như thế thì đó là Bồ-tát ý bình đẳng quán về người nữ.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng quán pháp thanh tịnh? Pháp thanh tịnh đối với người nam là, như khiến cho người nam tự mình phát tâm. Tâm vị ấy như Kim cang, nếu chuyên nhất thì rất mạnh mẽ, khi nghĩ đến người nữ nên phát khởi tâm dục. Tâm dục không có hình sắc, thật chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng hiện ra hình tượng người nữ... chỉ do các sắc dục phát sinh tưởng người nữ. Dù cho đã nghĩ tưởng về dục, nhưng người nam, người nữ kia như sóng nắng, như trăng trong nước.

Người quán như thế thì không có nam nữ, hiểu rõ không có hình nam, thì hình nữ cũng như vậy, hư ngụy mà lập nên, không tồn tại lâu dài, chỉ do huyễn hóa hiện ra nên thoáng hiện liền diệt. Vì có thể phân biệt nên biết rõ ý người nam, ý người nữ. Cả hai việc này rỗng không, không thật có, đã bình đẳng thì cũng có thể hiện ra người nữ, lại cũng hóa thành người nam.

Đó là Bồ-tát quán bình đẳng thanh tịnh đối với người nam.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với bé gái? Giống như nhổ gốc cây thì mầm non của cây không bao giờ phát sinh. Tâm không phát khởi thì từ đây dừng hẳn. Người có trí tuệ sáng suốt thì không tìm cầu nơi quả vị. Quả vị cũng chẳng thể chứng đắc. Nếu có người con ngang bướng trong gia tộc, thông suốt luận nghị, hiểu thấu tất cả tư tưởng, vô niệm, dũng mãnh, như cây khô không sinh hoa quả, như các dòng nước khô cạn không chảy; ở đây giống như nam, nữ, đồng nữ, sự hiện hữu này bình đẳng như hư không, không có thật.

Quán người nữ kia vốn cũng thanh tịnh, quán người nam kia vốn cũng thanh tịnh, quán Niết-bàn kia vốn cũng thanh tịnh.

Bình đẳng như thế tức là bình đẳng quán về bé gái.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với bé trai? Ví như cây cối, giả sử không có mầm mống thì không có gốc, thân. Giả sử không có gốc, thân thì không có hoa quả. Giả sử không có hoa quả thì không có tên gọi. Người nữ cũng như vậy, giả sử không có người nữ thì không có người nam, bình đẳng đối với nam nữ thì không có ngã ngã sở, dựa vào danh hiệu mà đặt tên, tưởng là vô tri. Biết người nữ không sinh thì không có tánh con. Hiểu rõ tất cả mọi người đều không có, không tức là đều bình đẳng. Đó là Bồ-tát bình đẳng quán về bé trai.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với chư Thiên? Chư Thiên trang nghiêm thanh tịnh, công đức tự nhiên, ý trong sạch thanh khiết. Cung điện trang hoàng lộng lẫy, kỳ diệu, không có người tạo lập. Cây tâm hoa đẹp cũng không có người trồng, phước đức tự nhiên giống như huyền hóa, tuổi thọ không thể nghĩ bàn. Trong sạch sáng ngời như lưu ly, hoàn toàn trong sạch, cũng không rộng hẹp, do hư vô thành lập, nên thể chư Thiên là hư dối, tự nhiên sinh ra hình, bỗng dưng hiển hiện.

Nói một cách đúng đắn thì hình ảnh của chư Thiên hiện ra đó là hư vô, không mượn dụ bên ngoài để quán sát bên trong. Số cung điện, lầu các tự nhiên của ba mươi hai cõi trời không ai có thể thấy được, chỉ có người đắc đạo mới biết. Đây là do Bồ-tát thấy sâu xa trong ngoài đều bình đẳng không khác.

Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với chư Thiên.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với các rồng? Thấy không có nước, liền nổi mây mưa bảy ngày, nước thấm nhuần khắp tất cả không kể trong ngoài, cùng khắp cõi Diêm-phù-lợi rồi lần lần chảy về biển cả. Nguyên do của sự đầy nước là như thế.

Chúng sinh học như vậy, biết bao nhiêu là duyên, duyên này rất nhiều, tìm cầu khởi diệt, đưa đến lo buồn hiện ra vô số tội, đủ loại không đồng. Quán sát bên trong sân giận là do từ đâu? Rồng trở mình, cá giao kinh sợ, mọi người đều như vậy, làm trời nghiêng đất lở đều từ nơi rồng khởi lên. Rồng bên trong không trở mình thì rồng bên ngoài chẳng theo.

Chúng sinh không phải tự nhiên mà có phước. Kẻ ngu mê tâm tối cho hư là thật. Bồ-tát Đại sĩ quán rồng bình đẳng, trong ngoài tương ứng, thương xót như nhau. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với rồng.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với quỷ thần? Tâm như cửa mở và sắc có hình tượng, thân họ cao lớn không thể sánh kịp. Một niệm nghĩ, trăm ngàn chúng nhóm họp, cũng không có hình tượng, âm thanh đối lại.

Ví như uống thuốc độc thì tự hại thân mình, tâm đó cùng loại, không nên sợ hãi, tất cả đều do bụng lung, phóng túng, vì khó ngăn chặn, khi gặp thì có sự sợ hãi. Điều này không có thật, nếu khởi tưởng thì hiện đến, tưởng đó chẳng thể nghĩ bàn, không thật nên nói là rồng không.

Quán sát bên trong, quỷ thần từ đâu khởi lên? Quỷ thần bên trong biết bao nhiêu trăm ngàn, bên ngoài cũng như vậy. Bên trong không khiếp sợ thì bên ngoài không sợ hãi. Bên trong không thương xót thì bên ngoài không rơi lệ. Bên trong phát sinh tưởng quỷ thần thì bên ngoài có vô số trăm ngàn chúng quỷ thần đều hiện đến. Do duyên này

đưa đến bệnh tật, hoặc là đến chết, chịu vô số khổ, đều do tâm tà vạy bất chánh.

Bồ-tát Đại sĩ biết rõ đều là rỗng không, không có quý thân, tất cả đều từ nơi tâm ý khởi lên, thì tâm có thể bình đẳng thanh tịnh, ý vắng lặng, chẳng tà vạy. Vì vậy, Bồ-tát không bị quấy nhiễu. Hoặc hiện hình tượng quý với các thứ biến hóa. Bên trong quán sát rõ biết không có quý thân, bên ngoài liền tiêu diệt.

Như vậy gọi là Bồ-tát bình đẳng đối với quý thân.

Lại nữa, này Phổ Thủ! Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với Kiền-đạp-hòa? Pháp đó vốn không có tánh nhưng có tiếng nói, chiếu sáng, không qua lại, cũng chẳng lui tới, như hư không, không có hình tướng, tùy theo âm thanh mà lập nên như thế.

Nếu có Bồ-tát Đại sĩ quán sát bên trong không có tướng thức thì không có Kiền-đạp-hòa. Kiền-đạp-hòa là vị dẫn đầu của quý thân. Bên trong không khởi tướng thì bên ngoài không niệm tà. Như vậy thì duyên nào đưa đến các bệnh?

Muốn tập hợp Kiền-đạp-hòa có tên nhưng không hình, âm vang qua lại không ai có thể thấy, lời nói tóm lại hoàn toàn không thật có. Kiền-đạp-hòa hư dối không thật. Bồ-tát đều quán đấy là do huyễn hóa. Như vậy là Bồ-tát bình đẳng đối với Kiền-đạp-hòa.

Lại nữa, này Phổ Thủ! Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với A-tu-luân? Lấy việc có chứng cứ, tâm A-tu-luân hoàn toàn không khởi, không diệt, không sinh, không tận, nhưng đồng loạt hiện ra tất cả. Ý sân hận độc hại đều là A-tu-luân. A-tu-luân tức là Thần rỗng. Đối với tâm nhiều sân hận mà hiện ra bình đẳng. Đó là Bồ-tát quán ý bình đẳng đối với A-tu-luân.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với Ca-lâu-la? Bảo, vâng-lập ra từ ngữ danh hiệu, mặc dù không có danh sắc nhưng danh sắc do lưỡi, từ lưỡi đưa đến họa, lập ra cội gốc tội lỗi. Bồ-tát Đại sĩ học rộng trí sâu, biết rõ đó là rỗng không, huyễn hóa như vậy là từ ý mà sinh ra hình, không ai có thể thấy. Vì âm thanh qua lại làm mờ nhạt chẳng? Người tâm bất chánh biến hóa trăm ngàn ức thứ như vậy. Quán sát bên trong cả hai đều không, không thật có. Bồ-tát quán bình đẳng không có Ca-lâu-la, đó là Bồ-tát quán bình đẳng đối với Ca-lâu-la.

Lại nữa này Phổ Thủ! Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với Chân-đà-la? Có những điều không làm mà làm; có những điều không làm thì không làm, cũng có cái tạo nên lại có thể phá hoại, bay đi trong hư không, không ai đuổi kịp nên lập danh hiệu là Chân-đà-la, tất cả đều do tay, tay nắm giữ các việc làm, ý phát sinh thì tay hành động, hành động thì phạm Đại thừa, khiến có khổ địa ngục là đều do Chân-đà-la.

Nếu Bồ-tát phân biệt không có sự sinh ra mọi loài thì xa lìa các việc đã làm, tay tự nhiên không lay động, thì do nhân nào có Chân-đà-la? Quán sát bên trong chẳng động thì chẳng lay, không khởi thì không diệt, không sinh thì không tử. Trong động thì ngoài phát, ý buông thả mà tay hành động, hành động liền rơi vào khổ, rơi vào khổ thì có bệnh, đều có quý thân, quý thân tức là Chân-đà-la.

Bồ-tát Đại sĩ hiểu rõ về không, không mà lại không, không có không, không thật. Bình đẳng quán Chân-đà-la, tất cả đều do biến hóa, không có hình đúng như thật, bình đẳng với các việc làm thì không có Chân-đà-la.

Đó là Bồ-tát bình đẳng quán về Chân-đà-la.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng quán Ma-hầu-lặc? Tên của pháp ấy lập nên biết bao



nhiều loại người, lãnh thọ đủ các loại hình dáng. Nguồn gốc của loài người tùy theo số lượng đó mà hiện ra biết bao nhiêu pháp, lập nên tất cả hình tượng và tên gọi. Pháp không thật có, chức hiệu như vậy, ở nơi thân hình là tâm ý, lia thân hình Ma-hầu-lặc.

Sự tưởng tượng là hư vô, đạo thành là ở tâm ý, tâm ý giữ gìn phúc lớn, tâm ngay thẳng thì được thành đạo, hiểu rõ các tướng thức thì các niệm đều dừng, không còn các tướng, đưa đến tự nhiên, chỉ nói tiếng bình đẳng. Tất cả vì chấm dứt sự nghi nên hiện ra Ma-hầu-lặc. Đó là Bồ-tát thâm nhập quán bình đẳng, quán sát bên trong, bên trong không khởi, bên ngoài không tạo thì không có danh tự Ma-hầu-lặc.

Đó là Bồ-tát bình đẳng quán về Ma-hầu-lặc.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát quán bình đẳng về địa ngục? Pháp vốn không, không có địa ngục, do tướng thức thành hình, địa ngục không có chủ. Có người cầu thì tự nhiên có, như kêu to thì âm thanh vang lên, như phù du thì gieo đầu vào đèn, cho là số bị đốt cháy không thể cứu được. Vì sao? Vì thân miệng mời gọi thì tự nhiên đến, nó rỗng không, không người tạo tác. Từ tướng của mình cho đến các tướng đều không thật có, rỗng không. Sự qua lại rỗng không, duyên với ách nạn là chính từ nơi mình khởi lên, tự mình hiền thiện thì bệnh không từ đâu mà nhập vào được. Thân miệng không phạm thì cũng không chết, địa ngục thanh tịnh, tươi đẹp, thanh khiết, không như.

Bồ-tát Đại sĩ sợ dĩ không sợ sinh tử là vì không có duyên với địa ngục. Vì sao? Vì không phạm giới cấm. Biết rõ tất cả đều như huyễn, cũng không sở hữu. Tuy lập các tướng nhưng không có tướng, không chấp thủ tướng, cũng không phải là không có tướng, tướng không thật có, do huyễn hóa thành hình tượng. Nếu người thấy tướng ấy thì đều vui vẻ, vui vẻ nên đưa đến thương yêu, nhân đó đưa đến đại nguyện; riêng biệt như hư không, bình đẳng, vắng lặng nhưng hiển hiện ra các tai họa khổ não của địa ngục.

Quán sát bên trong, do miệng mà thân bị oán giận. Miệng là cửa ngục, chỉ vào mà không ra. Vào liền tiêu tan hết, ra thì thành bùn đất. Như vậy khổ nhọc sẽ bị số ức, do đó Bồ-tát im lặng, không nói, không dùng miệng lưỡi lời lẽ để ăn uống. Cũng không nói năng, im lặng tự giữ gìn. Không vào chỗ đông người, không khen ngợi mình, tự miệng không nói hai lời, nhẫn chịu các tác động bên ngoài. Bồ-tát như thế thì không có địa ngục. Nguyên nhân của địa ngục chỉ do miệng, lời ra thì tội vào nên không lia họa này. Bồ-tát giữ gìn miệng, không lựa chọn mùi vị, ưa thích như nhau, không có ngon dở. Ăn uống cốt đủ nuôi thân hình mà thôi.

Đó là Bồ-tát quán bình đẳng đối với địa ngục.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với ngạ quỷ? Ngạ quỷ không có hình tướng, cũng không có tên gọi, vốn không có nơi chốn, cũng không có chỗ dừng. Nhân keo kiệt mà thành, tham dục dẫn đến keo kiệt cũng không có chỗ trụ, chẳng rõ sở hữu, chẳng biết đại pháp, chấp có ngã, ngã sở, chẳng thấy vô thường, nghe vạn ức hương thơm càng lâu càng sâu nặng. Từ keo kiệt đưa đến tham, từ tham đưa đến dục, từ dục đưa đến ái, từ ái đưa đến thích, từ thích đưa đến lo, từ lo đưa đến khổ, từ khổ đưa đến đau đớn, từ đau đớn đưa đến trói buộc, từ trói buộc đưa đến bệnh tật, từ bệnh tật đưa đến chỗ chết. Ở trong ba nạn đó không được cơm ăn, áo mặc, thân thể trần truồng đói khát, chẳng được nước uống, lấy hiệu làm tên, nên gọi là ngạ quỷ.

Bồ-tát Đại sĩ biết tất cả vốn không, hiểu rõ là không có ngạ quỷ, vắng lặng như hư không. Vì sao? Vì Bồ-tát thường thực hành bình đẳng, mũi quen không ngửi các mùi

hương, hoàn toàn không mển mộ, ưa thích. Tham là từ mũi mà vào và đưa đến cái ương họa lớn này. Mũi là tinh chất của đài tâm hỗn loạn, cũng không chỗ nhập, cũng không chỗ xuất. Không lãnh thọ hương sắc thì không tham, nếu không tham thì không lẫn tiếc.

Đó là Bồ-tát quán bình đẳng đối với ngạ quỷ.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

– Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với súc sinh? Pháp vốn không, súc sinh từ nhân duyên khởi lên, như hình tượng mây mù hiện ra biết bao nhiêu là hình sắc, hình sắc ấy chẳng giống nhau, người thấy vui thích liền đưa đến tưởng sinh tử khởi diệt. Giận từ bên trong khởi lên, khởi lên sự tưởng niệm về mười hai vòng móc xích dính mắc của thức, đóng chặt không mở, đưa đến súc sinh.

Súc sinh không có nguồn gốc, đều không thật có, tâm nghĩ ngợi rỗng không, đều do các sắc. Sắc là nguồn gốc tốt, rong ruổi theo năm đường, uyển chuyển theo sinh tử, nhận lãnh vô số hình dạng, hoặc là chim bay, hoặc là thú chạy, rỗng không, vô thường. Danh xưng là nương nơi hình tướng mà đặt, đủ loại hình tượng, màu sắc đồng với mây mù. Súc sinh tội phước tâm tánh như huyễn, do mê hoặc hư vọng mà nói là hình súc sinh.

Bồ-tát Đại sĩ quán xét không có ngã, ngã sở, hiểu rõ không danh tự, mắt khi mới nhìn thấy sắc, ý chẳng tham sắc, tâm chẳng nghĩ đến sắc, thân chẳng xúc chạm sắc. Bồ-tát dùng bốn tâm bình đẳng quán sắc bên trong, sắc ngoài, bay đến các nơi tam tối trong mười phương, thông suốt tất cả, đều từ mắt ra vào. Mắt là tinh chất của mặt trời, mặt trăng.

Có hai tên:

- Sắc nhập là Kim sí điểu.
- Sắc xuất là Văn-thù-sư-lợi.

Quán sát bên trong thì tất cả các tên gọi đều từ mắt mà vào, làm động gốc rễ sinh tử, tạo ra sự ngang ngược, đều do Kim sí điểu nên gọi là súc sinh. Loại quần manh súc sinh ngo ngoạy, hơi thở ngắn thuộc loại bò đi. Tất cả các loài biến hóa đều gọi là súc sinh.

Bồ-tát quán sát trong thân người đều giống như thế, cũng làm thành tam thiên đại thiên quốc độ, quốc độ có số trăm ức. Như vậy, chẳng thể tính được tất cả. Trên có cõi trời Tam thập tam, dưới đến cõi Kim cang sát, ở khoảng giữa có nạn của mười tám địa ngục lớn.

Chỗ ở của chư Thiên và loài người đều có cung điện và phi nhân, quỷ thần, rồng, chim bay, thú chạy, dưới đến cây cỏ, những loài thuộc loại có hình đều ở bên trong thân người, số đó đều trú tại nơi đây. Một vật không bằng nhau thì người đó liền đoán mạng. Mỗi vật, mỗi vật tương ứng không sai khác thì người đó liền thông minh, có trí tuệ sáng suốt. Hoặc nếu người trộm cướp, bị hổ lang thú dữ, hoặc rơi xuống hầm hố, bị cây cối xóc nhảm và bị rắn, chó làm hại đều là từ bên ngoài phát ra mới có sự tan thân hoại thể, nên tự trách việc hiện tại, không thể dựa vào thù địch đời trước nên tự suy nghĩ trong ngoài đưa đến sự sinh diệt, tự gieo vào chỗ tối tăm.

Chúng sinh bên trong, chúng sinh bên ngoài, hình dáng bên trong, hình dáng bên ngoài đồng nhau không khác. Mọi người đều như vậy. Bên trong khởi lên ý xấu, bên ngoài liền tìm đến. Bên trong có phần phản nghịch thì bên ngoài phản nghịch, liền hại thân người.

Người ngu si chẳng tự biết, ngồi oán trách quỷ thần. Tất cả đều do sắc. Cảnh vật



vào mắt, mắt là chư hầu của tâm mà là chúa của trăm điều xấu. Sự khoái lạc của tâm chắc chắn có tai hoạ về sau, tất cả đều do đó mà đưa đến súc sinh, đồng nói là vắng lặng thanh tịnh.

Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với súc sinh.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng với tham dâm? Pháp vốn không, tham dâm từ duyên khởi đưa đến tham, tham do ái dục, dục từ tưởng khởi lên, đối tượng của tưởng là không có tướng, như hư không, không có nơi chốn. Nhân dục đưa đến mê hoặc, trộm cướp, rối loạn tánh căn bản, lập nên gốc rễ lo buồn.

Tham dâm như chỗ trống không, không thể nắm bắt được, như ảnh theo hình, như vang theo tiếng, không thật, không có hình tướng, chẳng thể nắm bắt được, loại ngu si điên đảo, tư tưởng phiền não, pháp vốn không có như uế, rỗng không, vắng lặng. Dục trống rỗng như hư không, không thể cứu hết được, đến mười phương chẳng tìm thấy.

Tham dâm vốn không có hình tướng. Sự tham dâm tối tăm. Tham dục tự làm tiêu tan mất thân hình, sợ không yên ổn nên ở chỗ kín đáo.

Ở đời khi biệt ly thường thương tiếc sợ lâu dài chẳng gặp lại. Hoặc như cầm thú thường ôm lòng lo sợ. Giống như người đàn ông đối mặt với kẻ địch, trong lòng sợ hãi bỏ chạy, chạy trốn để giặc không tìm thấy mình. Người chạy cũng rỗng không, bỏ chạy mệt nhọc cũng không có người đuổi bắt, tự làm khổ thân, lao nhọc như thế, gia đình ân ái cũng lại rỗng không. Nhưng người thương yêu mến mộ dụng công tham dục, thì dục là nỗi lo bị trói buộc trong lao ngục. Dục là ý chí mạnh mẽ, thương xót quần sinh.

Người không dính mắc vào dâm dật thì tất cả không lo điềm xấu bên trong, hoàn toàn được an ổn. Tất cả đều không, không thật có, rỗng không mà lại thỏa thích với sự rỗng không thì cái không đó thành có. Họ không giải thoát, ngu si điên đảo, trái lại bảo rằng “tướng” là tối tăm, không hiểu pháp như hư không, không còn, không mất.

Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hiểu rõ các tham dục, không thoát khỏi tham dục thì bị trói nơi các nạn. Ái dục rỗng không, hư vô không thật. Người mà chê bai tham dâm thì cầu thoát dục. Người muốn thoát dục thì không khởi hai ý niệm này: không có cội gốc, cội gốc cũng vốn không có cội gốc, cội gốc tự nhiên tịnh, không có nhiễm ô, như là đạo tràng của Phật, bình đẳng không tướng.

Người tham dâm dật thì không lìa tai ương. Người theo sự vắng lặng thì ưa thích lìa dục. Các tướng đều rỗng không mới lìa các tướng, khởi niệm như vậy thì niệm mà không có đối tượng để niệm. Cầu thoát tham dâm nghĩa là sẽ vượt qua dục tướng, không còn sự tìm cầu, không ôm ấp ngọn nguồn, không nghĩ đến tham dục. Vốn thanh tịnh như vậy thì chẳng khởi tướng giải thoát.

Nếu vượt qua khỏi dục thì gọi là tịnh. Tham dục rỗng không, không chấp trước, điều này không sai khác. Người ngu tối tăm chẳng hiểu nên liền tạo ra hai tướng. Pháp bình đẳng một thể không nam nữ, trời là cha, đất là mẹ, trời đất sinh ra thì có gì là khác nhau?

Bồ-tát thực hành bình đẳng thì không tìm cầu nam nữ, như huyễn, như hóa, gốc ngọn đồng như vậy. Người thấy nam nữ có sự sai khác là vì xa lìa cội gốc, thì không còn nghĩa lý.

Phát khởi các tướng nhớ nghĩ thì các sự buộc ràng lại đến thiêu đốt. Tham dục không phát khởi thì không có các sự nhớ nghĩ, không có các sự trói buộc, không đốt cháy; có các sự trói buộc thì các sự trói buộc không cởi bỏ. Người cởi bỏ tham dâm thì

tên giả ái dục không làm nhiệm trước. Các tên gọi không làm trở ngại. Biết dục vốn là không, không nắm bắt được, thấy chân thật rất ráo, không mong sự tĩn tu, trong ngoài đồng nhau, không thấy giả dối. Người tham dục thì biết mà chẳng giải thoát được.

Tham Phật pháp đồng như Niết-bàn; cõi bỏ tham dục thì lìa được ngã và ngã sở; hiểu rõ tham dục thì tịch tĩn; noi theo sự đạm bạc, quán sát bên trong, các dục là từ nơi tai, tai cùng với ý thông nhau, cùng nhau tiếp nhận, mạnh mẽ không thể cản nổi. Hàng phục tất cả, có hai tên gọi:

- Dục nhập là Sư tử vương.

- Dục xuất là Duy-ma-cật.

Ở trong ba cõi cũng giống như thoát khỏi, nên không chỗ nào là không nhập, không chỗ nào là không xuất. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với tịnh uế.

Tai chẳng lãnh thọ năm âm thanh thì làm người dẫn đường cho cõi trời, cõi người trong mười phương, trở nên vị dẫn đường lớn, chẳng hề mỏi mệt. Điều cốt yếu để nghe pháp, trước hết phải dùng để làm thức ăn. Tam thiên đạ thiên thế giới, mười phương trong ngoài, số người và vật, trong đó mặt trời, mặt trăng tuy chiếu sáng còn không thể chiếu hết. Người tuy có con mắt nhưng chẳng thể thấy được sự vật ở xa.

Tai ở chỗ vắng vẻ, không thấy ánh sáng, nhưng trong số mắt thấy được, nhan sắc là đứng đầu. Việc nhỏ nhiệm trong ngoài trên dưới ở mười phương trước hết là quy về tai. Tai không có sự mẹn mộ ưa thích thì gọi là vô cấu. Quán bình đẳng các pháp, lấy pháp làm thức ăn, tai nghe trước hết, nên người nghe pháp trước hết phải dùng làm thức ăn là vậy.

Sở dĩ Bồ-tát được sự không đói khát vì chỉ lấy “không nghe” làm thức ăn, “không thấy” làm nước uống, ít nói năng làm trăm mùi vị, thanh tịnh bình đẳng đối với dục, dục như hư không, rỗng không, không như uế, tĩn lặng như Niết-bàn. Đối với các việc thấy như huyễn hóa.

Đó là Bồ-tát quán các pháp bình đẳng đối với tham dâm.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với sân giận? Pháp vốn không có nhân duyên sân giận.

Này Phổ Thủ! Giận là từ sự đối đãi mà khởi lên, không đối đãi thì không khởi, do nương dựa vào mà sinh ra đối đãi, không có ngã mà gọi là ngã, tạo nên vô lượng việc.

Như cây cối sinh trưởng, trước hết là từ các loại mầm. Sự kết hận thì nguy hại. Tiếng tự nhiên, rỗng không, không tưởng, không niệm. Như ngồi yên nơi gốc cây, tự tưởng là cọ cây để lấy lửa, nhưng trở lại đốt cháy cây đó. Nhân duyên tuy tan rã nhưng đều quay về nơi gốc sinh ra. Lửa diệt chẳng còn. Hư không không tạo nên thân hình, tiếng nai cũng vậy. Do dục lường xét, cả hai đều rỗng không.

Người trí hiểu rõ điều đó nên không khởi sân giận. Duyên từ tiếng khởi lên, không ở trong thân, chẳng từ ngoài đến, không do rỗng không, từ duyên khác khởi lên, do đối diện mà lập nên, mỗi mỗi đều phân biệt các loại, đưa đến hơn thua.

Bồ-tát bình đẳng, không sân giận, như gió gieo họa, có oán hận, có khinh thường. Nếu biết phương tiện do tưởng lập duyên thì tiếng như xấu cũng như vậy.

Do giận rỗng không, sinh ra sân giận trở lại thiêu đốt mình, không có người thay thế, nhưng sắc thân đó tự mình buông thả, do tự mình nói lời xấu ác buông thả, không thể tự kiểm chế, phước hết thì họa đến, như ngọn đèn cháy là do dầu mè, dùng hết dầu, trở lại đốt cháy tim.

Sân giận cũng thế, không có người cứu giúp. Người nào có thể hiểu rõ sân giận hoàn toàn không có hình tượng, bình đẳng quán sát tiếng nghe, cội gốc của giận, nộ, hận đồng nhau, không gốc rễ, không nắm giữ. Phân biệt pháp giới thì thấy bình đẳng.

Ý do bốn lo sợ thâm nhận hết và đứng đầu là sân hận. Sân hận ngang ngạnh nên có sự tạo tác, ý trống không, ngay khi sinh liền diệt, nhưng không rớt ráo. Trong khi hoảng hốt thì ý chẳng thể toan tính, rối loạn đức. Dứt ý, không nghĩ nhớ thì không còn tham dâm.

Tham dâm là từ ý khởi lên sự tham muốn. Người không tham dâm thì sân giận từ đâu đến? Ý động thì tâm khởi, như Tổng độc cử động liền đưa đến sân giận. Miệng mở thì tội vào, như sông ngòi chảy về biển. Như toàn cõi đất trời bị thiêu đốt, không còn sự vật nào hết.

Quán sát bên trong thì không thể sân giận. Vì sao? Vì mười phương đồng bình đẳng, không có ba đường, ý bình đẳng không sân giận. Không sân giận thì không có ba độc. Không có ba độc thì duyên vào đâu có bệnh? Ai có bất kỳ bệnh gì đều sẽ tiêu hủy. Chúng sinh nơi ba cõi từ nơi ý sinh ra hình, nhân sân giận mà nhập vào bệnh này, chẳng tự hối trách, bảy mươi lăm ngày, bảy mươi lăm đêm, mỗi ngày ba lần tự than trách.

Nay ở đời này lập nên hình tượng là từ nơi ý làm ra. Phạm vào loài người và săn bắn, chài lưới, các loài chim bay thú chạy trong ba cõi, hoặc dùng lông nhốt chim, làm tổn hại thân thể, hoặc bẻ gãy tứ chi, cho đến chân tay khắp khiêng, cong queo, chẳng thể gánh vác, làm cho chúng thêm đau đớn, còn mình thì lại vui vẻ.

Người ngu si chẳng biết chính mình trở lại hại mình. Trong suốt năm, thân bị bệnh nặng. Như việc làm hại ở đâu cũng không ai giúp đỡ. Nếu ý khởi sân giận độc hại, một khi uất hận mạnh mẽ thì hoặc dùng đao binh, hoặc cầm cung tên, muốn đánh bắn nhau, hoặc dùng liềm búa muốn chém đầu người. Như thế thì đã phạm đến chúng sinh trong ba cõi.

Nếu có Đại sĩ Bồ-tát nào thân thể tật bệnh, đau đớn, bệnh nhẹ, bệnh nặng đồng nhau không khác, thì nên biết là đã phạm vào chúng sinh ba cõi, tùy theo chỗ đau đớn đó mà kêu danh tự chúng sinh trong ba cõi. Càng tự xét trách, gieo mình trải tóc rơi lệ sám hối ba Tôn.

Trong ba Tôn có sáu việc gọi là sáu Độ vô cực trị bệnh bên trong. Bên ngoài có ba Tôn cũng có sáu Độ vô cực trị bệnh bên ngoài.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Những gì là sáu việc của ba Tôn bên trong?

Đáp:

–Ba Tôn bên trong là:

Thứ nhất: Tâm tôn, an ủi chúng sinh nơi ba cõi, chỉ dạy sự sáng suốt lớn, làm cho đều được an ổn, gọi là lòng tin Vô thượng Chánh chân, cũng hiệu là Như Lai Đẳng Chánh Giác.

Thứ hai: Nhĩ tôn, thường ở chỗ vắng lặng và không trang sức, bay đi qua lại khắp mười phương, nhân gian, thiên thượng, chỗ sâu xa tối tăm đều đến. Nghe biết tất cả, nhưng không nói năng, tính lặng vô vi, chỉ qua lại cùng khắp, chỉ lấy tình đưa về tâm.

1. Mỗi lời nói ra ban đầu không sai khác, gọi là Vô cấu xưng.

2. Giữ gìn hết giới luật.

3. Độ khắp tất cả.

4. Nhẫn nhục lớn.

5. Tin chư Phật.
6. Tâm Như Lai.
7. Tịnh lại càng tịnh.
8. Không lay động.
9. Không đâu là không an lạc.
10. Thành lớn Tỳ-xá-ly không đâu là không dung nạp.

Mười đức hạnh như thế đồng với thân Như Lai.

Thứ ba: Nhãn tôn, thường ở cõi Sắc, cõi Dục, không tự cống cao, dẫn dắt tất cả người sai quấy, bay đi trong mười phương, trong ngoài sáng suốt, không có người thấy, cũng có mười đức hạnh:

1. Văn-thù-sư-lợi.
2. Chỗ nào cũng vào.
3. Tịnh uestrừ hết.
4. Thường thanh tịnh.
5. Nhật Nguyệt trong sáng.
6. Mở bày, dẫn dắt tất cả người tội lỗi.
7. Không ai có thể làm ô uest.
8. Dẫn dắt người trong mười phương.
9. Các lậu đã sạch, không còn các uest.
10. Tin Như Lai, hộ trì tất cả.

Đó là ba điều tôn quý.

Thường thực hành đại Từ, đại Bi, thương xót nghĩ đến khổ sinh tử. Nên biết, các loại chúng sinh trong ba cõi không nên hủy diệt, vì hủy diệt là hủy diệt ba Tôn, thường nên hổ thẹn quy mạng sám hối.

Lại có ba Tôn:

Thứ nhất: ý tịnh, tên là Ba-tuần.

Thứ hai: dục tịnh, tên là Sư Tử vương.

Thứ ba: sắc tịnh, tên là Kim sí điểu.

Lại hỏi:

–Ba Tôn như vậy là theo pháp nào mà gọi?

Đáp:

–Ý dứt trừ không sân giận, các ma đều hàng phục. Ý là vị thần của thân, tên là Ba-tuần. Nói rộng ra, các tâm tưởng theo hộ vệ là những điều lành.

Sư tử vương là vị thần về tai. Tai chẳng lãnh thọ các bụi bặm, đối với ba cõi riêng hẳn tất cả tưởng, chẳng cùng tranh nhau nên gọi là Sư tử vương. Nói rộng ra, tất cả không sợ, thường làm vị thầy dẫn đường cho mười phương, sẽ làm Phật, thường làm chiếu ngời mà không nhàm chán.

Kim sí điểu là vị thần của mắt. Mắt nhập vào các sắc, sắc liền dứt, bay đi trong mười phương, chẳng ai có thể biết, hàng phục các ma, dẫm đạp chúng rỗng. Thần rỗng chống cự lại, nổi ý sân giận. Kim sí điểu ở trên mặt biển, bóng hiện trong nước, các rỗng sợ hãi, không dám ra ngoài.

Ba-tuần hóa rỗng muốn có sự hưởng thụ nhưng nhãn ám đã đoạn. Kim sí điểu ở trên thường dùng trăm ngàn các loại sắc đáng sợ như Kim quang, Tinh quang của mặt trăng chẳng thể ngang bằng. Tinh quang của mặt trăng chẳng thể sánh với lông của Kim sí điểu. Vậy là khiến cho Kim sí điểu ở trong ba cõi hùng mạnh độc tôn.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nếu người nào làm người dẫn đường để đưa đến quả Phật, ta sẽ đều ở trên đó dùng lông vàng trên thân thể để chiếu sáng, khiến cho thân họ đều được sắc hoàng kim. Những ai trông thấy, không ai là không hoan hỷ.

Đức Phật dạy:

–Ba tôn và sáu nhân ấy là: sáu Độ vô cực bên trong, vì vậy Bồ-tát hành sáu Độ chẳng hoại sắc vô thường, tự mình đau xót nghĩ đến nỗi đau khổ sinh tử. Người biết nghĩ đến sinh tử thì không có sáu Độ vô cực. Nếu Đại Bồ-tát thân thể không an ổn thì nên biết cùng với sáu Độ vô cực bên trong chống trái, không thuận. Theo lời chỉ dạy nên suy nghĩ như trên đã nói, tự trói buộc thân hình, chớ dùng tánh cứng cõi mà tự nói không tội. Nếu không dừng lại và chí tâm sám hối thì không bao lâu tự mình giết mình. Việc này chẳng phải là chỗ thầy thuốc giỏi có thể chữa được.

Bồ-tát Phổ Thủ lại bạch Phật:

–Những gì là sáu việc bên ngoài của ba Tôn?

Đáp:

-Thứ nhất: Phật tôn.

-Thứ hai: Pháp tôn.

-Thứ ba: Tỳ-kheo Tăng tôn.

Lại có ba Tôn, những gì là ba?

-Thứ nhất: Tịnh tôn.

-Thứ hai: Sắc tôn.

-Thứ ba: Dục tôn.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Ba Tôn này ứng dụng thế nào?

Đức Phật dạy:

1. Xả bỏ tham dục, bố thí thân mạng thì được phước, đó là Thí độ vô cực.
2. Xả bỏ sắc, giữ gìn giới, thân được thanh tịnh, đó là Giới độ vô cực.
3. Xả các trần lao, thực hành nhẫn nhục để xa lìa các tướng, được trí tuệ thanh tịnh, đó là Nhẫn độ vô cực.
4. Biết Tỳ-kheo Tăng thanh tịnh, xả bỏ các việc nhân duyên khởi diệt để xây dựng nên tinh tấn, đạt đến đạo tràng, trụ địa vị thanh tịnh. Đó là Tấn độ vô cực.
5. Biết pháp thanh tịnh, xả bỏ các niệm tà, duyên tướng mà tâm định một chỗ, thân được an ổn, biết quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó là Thiền độ vô cực.
6. Biết Phật thanh tịnh, xả bỏ tất cả tham đắm trước, đạt đến chỗ vô trụ, thâm nhập pháp chánh yếu, rỗng không, không tướng nhớ việc Niết-bàn, tất cả vốn không. Đó là Trí độ vô cực.

Đức Phật dạy:

–Đó là sáu Độ vô cực bên ngoài. Như vậy là hiểu rõ mười hai pháp trong ngoài. Lại mở ra mười hai pháp môn, tuy hiểu rõ nhưng do không chế ngự nhân nên đối cảnh liền khởi tướng, đưa đến ý buông lung, chẳng thể nhẫn nhục, buông thả tâm miệng, ý sân giận, nói lời độc ác, liền làm thành mười hai nhân duyên, trôi lăn theo ba cõi, chẳng lìa năm đường. Bồ-tát Đại sĩ đối với trong ngoài cũng không quả trách, tất cả đều không ngăn ngại như bóng trăng trong nước. Nếu âm thanh bình đẳng thì không có âm thanh sân giận, vốn nó bình đẳng, không cội gốc, không biên giới. Phân biệt pháp giới thì thấy bình đẳng. Đó là Bồ-tát bình đẳng đến với sân nhuế, là ý pháp vậy.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với ngu si? Ngu là từ không mà khởi lên. Quán sát si không có. Giả sử không thật có thì ngu si vốn không, hoàn toàn không có điên cuồng, tối tăm. Người không có nguyện xấu thì không bị ngăn ngại như hư không, vì hư không rộng lặng. Tưởng chướng ngại vì sự tìm cầu không. Về mặt tạo ngu si, lập hư dối cho là thật mà khởi lên oán hận. Việc làm của người ngu si là tìm danh để hiểu chữ, phô trương tên thanh bạch nhưng khó đạt được sự vui mừng, không biết rõ các pháp vì tưởng làm dơ bẩn, tưởng là chướng ngại, xấu hổ, rộng không, vô hình.

Ví như người đàn ông muốn vượt hư không nhưng không có cánh. Việc làm không hợp ý nên chẳng vào được hư không, ước kiếp cũng chẳng được. Thường gặp gỡ nhưng chẳng thể biết gốc ngọn của không. Ngu si cũng như vậy, gốc ngọn không thể nghĩ bàn, che lấp, tối tăm, chẳng khai phát. Cuộc đời kẻ không có chí hướng thì lại đầy tràn, như trụ ở giữa hư không, không biết phương hướng, cũng không người vịn toàn, không ai có thể độ thoát. Như trăm ngàn ức tập khí ưa thích che lấp tối tăm, họ cũng không nhàm, thường đói khát không no đủ, như trẻ con ưa màu sắc, thổi bong bóng cho đầy nhưng hơi ngắn nên vừa ra khỏi miệng thì không còn nữa.

Tội, phước như bong bóng, rộng không. Cầu tốt đẹp, chân thật, cao xa cũng vậy. Nhún nhường thanh tịnh cũng như vậy. Nếu làm theo người ngu thì tìm cầu chẳng thể được, đến cũng rộng không, đi cũng rộng không. Người ôm ấp tội lỗi, tốt cũng làm, xấu cũng không bỏ. Thấy việc tốt chẳng học tập theo, chỉ chuyên theo kiến thức sai lầm. Người thực hành như thế gọi là ngu không đáy. Dứt gốc rễ thì không có hình dáng gốc rễ; không gốc rễ, không chỗ trụ nên không thể dứt hết.

Giả sử ngu không thể dứt thì si cũng chẳng thể dứt được. Giống như chúng sinh như huyễn hóa thì chẳng thể ban cho. Giả sử đặt ra ví dụ một ngày độ hết tất cả các loài chúng sinh trong ba cõi, khiến cho đều đắc Niết-bàn; tuổi thọ của Phật trụ ở đời ước kiếp không thể tính. Việc cứu thoát phạm phu, độ khắp mọi người không cùng tận, vì lập nên một cõi người là không thể tưởng, ngu tối như huyễn, chẳng thể được.

Quán sự thanh tịnh của Phật cùng sự ngu si đồng nhau, việc này không hai. Giả sử người nào có thể quán bình đẳng thì có thể nghĩ đến đạo. Ngu si và trí tuệ đồng nhau, không có các sự ngăn ngại. Chúng sinh quần manh đồng nhau, không thể nghĩ bàn.

Người ngu si chẳng thể tính biết được dấu vết của ý. Tâm người đó rộng không, không có giới hạn. Ngu tối không giới hạn vì không thể nắm bắt, rộng không, tham đắm, không có tên, do nương vào hữu tình; cái không thấy thì vĩnh viễn không thể nắm bắt. Tâm tánh vô minh hoàn toàn không thật có thì từ đâu đưa đến để khởi lên mà có sân giận? Xét không có ngã ngã sở, si đã không khởi lên thì loại nào tối tăm?

Như si không nơi chốn, Phật đạo cũng như thế. Hiểu rõ không biên giới, các pháp không hai. Phân biệt âm thanh bình đẳng, quán sát âm vang mù mịt. Hiểu rõ mây đồng như nhau, ngu tối như mây, phân biệt bình đẳng thì hiểu rõ định ý.

Đó là Bồ-tát bình đẳng đến với ngu si.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với bất thiện? Dục vận hành không hình tượng, sân vận hành không nơi chốn, chẳng làm theo si. Biết mọi người bình đẳng, các ô uế cũng như nhau. Các sinh diệt đều như nhau, hiểu bình đẳng hư vô, rộng không, không thật có, hoàn toàn thanh tịnh như vậy. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với bất thiện.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với các gốc thiện đức? Chúng sinh tu thiện với



biết bao nhiêu sự vận hành của tâm. Các hành như nhau, không có hành nào sai khác, chỉ thực hành một hạnh, không làm chướng ngại hành hiện tại. Biết rõ hành không hai thì có thể bình đẳng. Do biết các hành bình đẳng, như huyễn, sắc thanh đồng như nhau thì hiểu rõ âm thanh lời nói. Âm thanh lời nói không hai, giống như tiếng vang, như bóng hình, qua lại giáp khắp, cũng không nơi chốn. Gốc đức cũng như vậy, như huyễn, như hóa. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với gốc thiện đức.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với hữu vi? Có, không có, tất cả đều từ niệm. Niệm ấy tức là niệm rỗng không, suy xét không thể lường, khó tính toán, không biên cương, không ranh giới, khởi lên làm tướng. Tướng là từ duyên niệm, tính đếm cũng không cùng tận, rõ biết bình đẳng là vô cùng, không vận hành không ảnh tượng, giải nói đồng vắng lặng, thấy tất cả đều an, đã an, đã đẹp, không chấp vô thường. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với hữu vi.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với vô vi? Gốc thanh tịnh, pháp vắng lặng, cũng không nhóm họp, hình không rõ, tiếng giả dối, quán sát bình đẳng thì âm thanh không ngôn từ, không giáo hóa, đều vô vi. Quán bình đẳng các sự đấm trước lời nói, âm thanh như thế, đó là Bồ-tát bình đẳng đối với vô vi.

Lại bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Bồ-tát bình đẳng đối với bình đẳng? Trong chỗ hữu vi chẳng trụ hữu vi. Các hành bình đẳng như hư không, không ngăn ngại, chẳng trụ ba cõi. Ba cõi vốn không, vì sao cầu Niết-bàn? Niết-bàn vắng lặng không xuất, không nhập, không ngôn, không thuyết, cho đến hoàn toàn an ổn, độ thoát tất cả chúng sinh không rõ là bao nhiêu. Pháp thân như hư không, không hợp, không tan, cũng không qua lại, cũng không tới lui, như hư không rỗng lặng. Đó là Bồ-tát bình đẳng đối với bình đẳng.

Ngay khi Thế Tôn thuyết chương cú này, thật chưa từng có, người làm theo như thế, chẳng thể nghĩ bàn, hiếm có ở đời.

Khi ấy, có một vạn hai ngàn Bồ-tát đều đắc pháp Nhẫn vô sinh. Bảy mươi hai ức trăm ngàn trời người đều phát tâm nơi quả vị Vô thượng Chánh chân. Hai trăm sáu mươi vạn Tỳ-kheo đạt được lậu tận. Có sáu ngàn Tỳ-kheo-ni đều phát tâm nơi quả vị Vô thượng Chánh chân. Có hai ngàn hai trăm thiện nam, một ngàn tám trăm thiện nữ cũng đều phát tâm nơi đạo Vô thượng chánh chân.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Thủ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đại Thánh diễn thuyết danh hiệu Tam-muội này. Bồ-tát do đây mà đạt được công đức, các căn sáng suốt. Nghe nguyên nhân danh hiệu của Tam-muội này thì sẽ đạt được tất cả các pháp, thông suốt những điều chưa thông suốt hàng phục được tất cả các mê hoặc tà kiến; ưa thích một loại văn tự, phân biệt rõ tất cả các loại văn tự, dùng tất cả các loại văn tự để rõ một loại văn tự, trí tuệ biện tài không thể đo lường, vì các quần sinh giảng thuyết chánh pháp, phân biệt hiểu rõ, duyên đúng với pháp nhẫn, đem tất cả hạnh nhập vào một tướng, đạt được luận nghị vô lượng vô hạn, hiểu rõ luận nghị bốn biện tài.

Ngay khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt tường tận cho ông.

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Thật quý hóa! Chúng con mong muốn được nghe.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đức Phật dạy:

–Có Tam-muội tên Ly vô lượng cấu, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì thấy khắp tất cả các sắc đều thanh tịnh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Có Tam-muội tên Hoại nhược cang, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì trí tuệ sáng suốt, che lấp tất cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

Có Tam-muội tên Thành cụ quang minh, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì oai quang rực rỡ, che phủ tất cả các báu của Phạm vương, Đế Thích trong ba cõi. Tất cả đều được an ổn, ánh sáng rực rỡ của chư Thiên bỗng nhiên không hiện nữa.

Có Tam-muội tên Xả giới, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì ở giữa chúng hội trừ sạch tất cả bệnh tham, sân, si.

Có Tam-muội tên Mạc năng tương, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì chiếu sáng tất cả cõi nước của chư Phật, ở tám phương và phương trên, dưới.

Có Tam-muội tên Chư pháp vô sở sinh, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì nắm được tất cả các điều Phật chỉ dạy trong kinh điển, vì chúng hội phân biệt nghĩa cốt yếu, mở bày diễn giảng nghiệp vi diệu không tham đắm.

Có Tam-muội tên Vô niệm lời âm, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì lời nói âm thanh thông suốt đến Phạm thiên, diễn thuyết trong mười phương không ai hơn được, ở chỗ tối tăm bị che lấp đều nghe được hết.

Có Tam-muội tên Hiểu liễu nhất thiết ứng tâm sở nhạo, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì có thể làm cho chúng sinh vui vẻ, tùy theo sự ưa thích của họ khiến cho họ thoát khỏi cái duyên bị câu thúc làm chướng ngại cho sự hiểu biết, tất cả chúng hội đều được an ổn.

Có Tam-muội tên Vô hội hiện duyệt tinh tấn, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì nhìn thấy mê hoặc từ xưa đến nay là vô vi, không có giới hạn, thấy nghe đều được thông suốt, tất cả sự hội nhập đều có thể vượt qua.

Có Tam-muội tên Vô niệm bảo đức nhạo ư thế giới, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì thị hiện các thần túc, giáo hóa chúng sinh.

Có Tam-muội tên là Chư âm duyên hội, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì hiểu các âm thanh lời nói, dùng vô số văn tự hiểu rõ một văn tự, dùng một văn tự nói vô số văn tự. Do hiểu rõ văn tự bên trong, văn tự bên ngoài nên thương xót những người bên trong không thông đạt, bên ngoài cũng chẳng rõ, trong ngoài tương ứng, không có các văn tự khác.

Có Tam-muội tên Tích chúng thiện đức, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì phân biệt tội phước, làm sáng tỏ bình đẳng, có thể làm cho tất cả chúng sinh được nhiều vui vẻ; khiến nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng chúng Thanh văn, tiếng Duyên giác, tiếng Bồ-tát, tiếng Độ vô cực, tiếng Nhất thiết trí. Vị đó có nói ra điều gì cũng không có âm thanh, rõ biết tất cả nghiệp cốt yếu sâu xa.

Có Tam-muội tên Khởi chư tổng trì vi nhất thiết vương, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì phân biệt tất cả vô lượng tổng trì, lấy trí tuệ làm cốt lõi, khiến cho rõ suốt tất cả pháp vô ngại.

Có Tam-muội tên Tịnh chư biện tài vô vi chi hạnh, giả sử Bồ-tát đạt được định này thì trừ sạch tất cả lời nói âm thanh, không còn ngôn giáo, cũng không âm vang, không lời, không lẽ, cũng không thật có.

Khi ấy, Bồ-tát Phổ Thủ bạch Đức Thế Tôn:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Thưa Đại Thánh! Đối với thân thô lậu này thì có nên giảng dạy công đức kinh điển không?

Đức Phật bảo:

–Nên giảng dạy.

Bồ-tát Phổ Thủ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử Bồ-tát nghe kinh điển này nhưng không hồ nghi, phát tâm thọ trì đọc tụng, giảng thuyết, thì vị đó hiện tại được biện tài vi diệu, biện luận thông minh, biện luận vui vẻ, biện luận thâm diệu, không nhóm họp, thường tu tập tâm Từ giúp các chúng sinh, không phá hoại làm tổn thương tâm ý. Vì sao? Giả sử lo nghĩ đến những việc đã làm, phụng hành theo hạnh đó thì biết chắc chắn theo chân lý, chưa từng lia bỏ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Phổ Thủ:

–Lành thay, lành thay! Ông nói lời đó thật là đúng ý. Giống như bố thí sẽ đạt được giàu có lớn, chẳng hư dối. Trì giới sẽ sinh Thiên, cũng chẳng hư dối. Làm theo kinh điển này cũng như vậy, học tập đưa đến biện tài cũng không hư dối, đều được ý chí căn bản. Giống như mặt trời mọc thì chiếu sáng khắp thiên hạ, trừ hết các sự tối tăm, kinh này cũng như thế, người học tập đọc tụng đưa đến biện tài thông suốt tất cả. Ví như Bồ-tát ngồi nơi đạo tràng, dưới gốc cây Bồ-đề, đắc quả vị Vô thượng Chánh chân, thành Tối chánh giác, Bồ-tát cũng như thế, học tập đọc tụng kinh này, chắc chắn được biện tài, trừ hết các sự nghi ngờ.

Thế nên, này Phổ Thủ! Giả sử hiện tại Bồ-tát muốn nêu lên biện tài, hiểu rõ, lựa chọn các pháp thì nghe kinh điển này tâm chẳng còn do dự, nên thọ trì giảng thuyết, đọc tụng, vì các chúng hội giảng thuyết rộng rãi ý nghĩa của kinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Ly Cấu Tạng ở trước Phật, bạch:

–Sau khi Phật diệt độ, có người nào thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh pháp này, vì chúng hội mở bày giảng thuyết nghĩa lý, kể hèn này sẽ vì họ gần gũi tuyên thuyết, giảng giải sự quay về, khiến họ không còn hồ nghi và mau được biện tài.

Khi ấy, các ma buồn rầu rơi lệ, đi đến chỗ Phật, bạch:

–Cúi xin Thế Tôn đừng kiến lập kinh này. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh giác thường nuôi dưỡng lòng thương xót rộng lớn, có người nào bị đau khổ thì ban cho sự an vui lớn. May mắn thay Đại Thánh, kính xin Thế Tôn hãy giải trừ mê hoặc cho chúng con. Giống như xưa kia Thế Tôn ban đầu ngồi dưới gốc cây, nơi đạo tràng diễn kinh pháp này. Nay lại thêm một lần nữa Thế Tôn giảng thuyết lại kinh điển này. Con nay trong lòng ôm ấp sự lo lắng, uất ức, buồn rầu. Ngay khi Như Lai mới thành Phật đạo đã cứu giúp, con lại chống đối, nhưng không thể thắng. Tất cả đều sẽ chứng đắc quả vị Vô thượng chánh chân không thoái chuyển, thành Tối chánh giác. Nếu có kẻ phàm phu được nghe kinh này, nghe tiếng, nhớ tên, sẽ đều đắc đạo, sẽ đưa đến diệt độ, sẽ làm trống không cảnh giới của con, cung điện ma trống không. Đại Thánh vỗ về, nuôi nấng, kiến lập đại Bi, nay cúi xin Ngài xót thương cứu giúp.

Đức Phật bảo ma:

–Này Ba-tuần! Chớ nên sợ hãi, chớ nên khùng khiếp, chớ nên lo buồn. Tất cả chúng sinh chẳng diệt độ hết. Như Lai cũng chẳng kiến lập kinh này.

Ma nghe Phật dạy, vui mừng hơn hở, tâm thiện phát sinh và bỗng nhiên biến mất.

Bồ-tát Phổ Thủ bạch Phật:

–Vì lẽ gì Như Lai vì ma giảng thuyết giáo pháp này?

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đức Phật bảo Phổ Thủ:

–Kinh điển này trụ nơi không có chỗ trụ, cho nên vì ma thuyết lời này. Ta không kiến lập kinh này, chân thành không hư dối. Tất cả các pháp trụ nơi không có chỗ trụ, chẳng thể đạt được, không có ngôn từ, lia cả hai bên, gốc ngọn đều bình đẳng nên chắc thật không gốc. Pháp giới như cán cân, bình đẳng như hư không, không có, không không, chân chánh không sai khác. Nay kinh này lưu bố ở cõi Diêm-phù-đề, trong thiên hạ sẽ có điềm lành ứng hiện.

Thế Tôn vừa kiến lập giáo pháp chân thật, tự nhiên nghe âm thanh cùng khắp giữa hư không:

–Đúng như lời Phật dạy! Chân thật không hư dối.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy lãnh thọ yếu chỉ kinh Phổ Môn phẩm này, thọ trì, đọc tụng, tuyên thuyết, chỉ dạy để cùng học tập.

Lại bảo Tôn giả A-nan:

–Kho tàng kinh điển gồm có tám vạn bốn ngàn pháp phẩm, so với kinh này đồng nhau không khác. Vì sao? Vì một câu kinh này nhập vào khắp tất cả vô lượng các yếu chỉ pháp giới tuệ môn. Chỉ có Như Lai phân biệt hiểu rõ. Chúng sinh hiểu kinh điển này mà được thành đạo, rồi sau đó giảng thuyết kho tàng kinh điển tám vạn bốn ngàn pháp phẩm.

Thế nên, này A-nan! Nên thọ trì, đừng để cho bị diệt mất. Phải cẩn thận giữ gìn cho kỹ, vì mọi người thọ trì đọc tụng.

Đức Phật thuyết kinh này xong, Bồ-tát Ly Cấu Tạng, Bồ-tát Phổ Thủ, Hiền giả A-nan, chư Thiên, loài người, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân... nghe kinh này hoan hỷ cúi đầu đánh lễ rồi lui ra.

